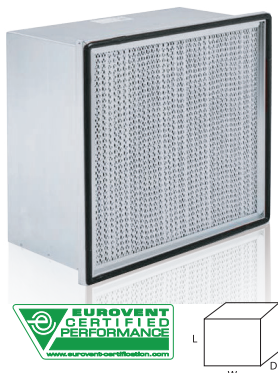


HT250-HF



Model: HT250-HF-F8-595x595x292-01/00-GAL-13
HT250-HF: Lọc nhiệt độ cao có Header Frame
F8: Cấp lọc theo EN 779:2012
595x595x292: Kích thước WxLxD mm
01/00: Gasket mặt gió ra/ Không lưới
GAL-13: Khung thép mạ kẽm-Diện tích vật liệu lọc m²
Mã MGT: MA8GR8T0YC-0595-0595-292

ỨNG DỤNG

- Vách ngăn bằng nhôm chịu nhiệt độ cao.
- Ứng dụng trong các thiết bị lọc lưu lượng gió lớn.
- Chênh áp ban đầu thấp.
- Tùy chọn gioăng, Khung và lưới bảo vệ.

Bộ lọc có vách ngăn nhôm

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Loại Khung HF: đơn 25mm

Lưới bảo vệ: Không có lưới

Loại gasket: Gioăng chịu nhiệt cao

Vị trí gasket: Mặt gió ra

Separator Depth: 8mm/ 5mm

Nhiệt độ tối đa: 250-350°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Giai đoạn lọc: II-III

Chênh áp cuối:

- EN 779-2012: 450 Pa.
- ISO 16890: 300 Pa.

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc ISO 16890	Cấp lọc EN 779:2012	Độ sâu lá chia mm	Diện tích vật liệu lọc m ²	Lưu lượng m ³ /h	Chênh áp ban đầu Pa.
HT250-HF-M6-287x592x292-01/00-GAL-6	213501M	MA6GR8T0YC	287x592x292	ePM10>60%	M6	8	6.00	1700	120
HT250-HF-M6-592x592x292-01/00-GAL-13	213502M	MA6GR8T0YC	592x592x292	ePM10>60%	M6	8	13.00	3400	120
HT250-HF-F7-287x592x292-01/00-GAL-6	213503M	MA7GR8T0YC	287x592x292	ePM1>50%	F7	8	6.00	1700	140
HT250-HF-F7-592x592x292-01/00-GAL-13	213504M	MA7GR8T0YC	592x592x292	ePM1>50%	F7	8	13.00	3400	140
HT250-HF-F8-287x592x292-01/00-GAL-6	213505M	MA8GR8T0YC	287x592x292	ePM1>65%	F8	8	6.00	1700	150
HT250-HF-F8-592x592x292-01/00-GAL-13	213506M	MA8GR8T0YC	592x592x292	ePM1>65%	F8	8	13.00	3400	150
HT250-HF-M6-287x592x150-01/00-GAL-3	213507M	MA6GR8T0YC	287x592x150	ePM10>60%	M6	8	3.00	750	35
HT250-HF-M6-592x592x150-01/00-GAL-6	213508M	MA6GR8T0YC	592x592x150	ePM10>60%	M6	8	5.50	1500	35
HT250-HF-F7-287x592x150-01/00-GAL-3	213509M	MA7GR8T0YC	287x592x150	ePM1>50%	F7	8	3.00	750	45
HT250-HF-F7-592x592x150-01/00-GAL-6	213510M	MA7GR8T0YC	592x592x150	ePM1>50%	F7	8	5.50	1500	45
HT250-HF-F8-287x592x150-01/00-GAL-3	213511M	MA8GR8T0YC	287x592x150	ePM1>65%	F8	8	3.00	750	55
HT250-HF-F8-592x592x150-01/00-GAL-6	213512M	MA8GR8T0YC	592x592x150	ePM1>65%	F8	8	5.50	1500	55
HT250-HF-M6-287x592x292-01/00-GAL-8	213513M	MA6GR5T0YC	287x592x292	ePM10>60%	M6	5	8.00	1700	110
HT250-HF-M6-592x592x292-01/00-GAL-17	213514M	MA6GR5T0YC	592x592x292	ePM10>60%	M6	5	17.00	3400	110
HT250-HF-F7-287x592x292-01/00-GAL-8	213515M	MA7GR5T0YC	287x592x292	ePM1>50%	F7	5	8.00	1700	130
HT250-HF-F7-592x592x292-01/00-GAL-17	213516M	MA7GR5T0YC	592x592x292	ePM1>50%	F7	5	17.00	3400	130
HT250-HF-F8-287x592x292-01/00-GAL-8	213517M	MA8GR5T0YC	287x592x292	ePM1>65%	F8	5	8.00	1700	140
HT250-HF-F8-592x592x292-01/00-GAL-17	213518M	MA8GR5T0YC	592x592x292	ePM1>65%	F8	5	17.00	3400	140
HT250-HF-M6-287x592x150-01/00-GAL-4	213519M	MA6GR5T0YC	287x592x150	ePM10>60%	M6	5	4.00	750	30
HT250-HF-M6-592x592x150-01/00-GAL-9	213520M	MA6GR5T0YC	592x592x150	ePM10>60%	M6	5	9.00	1500	30
HT250-HF-F7-287x592x150-01/00-GAL-4	213521M	MA7GR5T0YC	287x592x150	ePM1>50%	F7	5	4.00	750	40
HT250-HF-F7-592x592x150-01/00-GAL-9	213522M	MA7GR5T0YC	592x592x150	ePM1>50%	F7	5	9.00	1500	40
HT250-HF-F8-287x592x150-01/00-GAL-4	213523M	MA8GR5T0YC	287x592x150	ePM1>65%	F8	5	4.00	750	50
HT250-HF-F8-592x592x150-01/00-GAL-9	213524M	MA8GR5T0YC	592x592x150	ePM1>65%	F8	5	9.00	1500	50

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Thép mạ kẽm, Nhôm, Inox 304, Inox 316. **Vật liệu lọc:** Loại chịu nhiệt cao. **Độ sâu lá ngăn:** 3 - 5 - 8 mm.

Loại khung HF: Không, đơn 20/25 mm, đôi 20/25 mm, Kích thước theo yêu cầu.

Lưới bảo vệ: Không lưới, Lưới mặt gió ra, Lưới cả hai mặt.

Loại gasket: Không gioăng, Polyurethane, Cao su, EPDM, Gioăng chịu nhiệt cao, Gioăng dạng dây (Cord gasket).

Vị trí gioăng: Không có, Mặt gió ra, Mặt gió vào, Cả hai mặt.

Chứng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

Chứng nhận vệ sinh: VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT